

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp Đạt/ Không đạt

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|---|---------------------------------------|
| 1 | Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công; | |
| 1.1 | Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư | |
| 1.1.1 | Mức độ đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng sử dụng cho công trình (Các loại vật liệu chủ yếu) theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT | |
| | Có đề xuất đầy đủ chủng loại vật tư, nêu đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ chủng loại vật tư, không nêu đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT | Không đạt |
| 1.1.2 | Xác định rõ nguồn cung cấp và khả năng cung cấp các loại vật tư theo đúng khối lượng và tiến độ công trình | |
| | - Có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng về nguồn và khả năng cung cấp các loại vật tư và cam kết của nhà thầu về việc đảm bảo sử dụng đúng nguồn gốc, chất lượng vật tư, vật liệu đáp ứng theo yêu cầu hồ sơ thiết kế được duyệt mà nhà thầu đề xuất trong trường hợp trúng thầu. - Có đầy đủ hợp đồng nguyên tắc cung cấp các loại vật tư sử dụng cho công trình đang xét. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 1.1.3 | Bãi tập kết vật tư, xe máy thiết bị, lán trại | |
| | Có đề xuất về diện tích, vị trí bố trí kho bãi tập kết vật tư, thiết bị, bãi tập kết xe máy, lán trại phục vụ cho công trình đáp ứng với biện pháp thi công, tiến độ thi công của nhà thầu và hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với thiết kế của công trình | Đạt |
| | Không có đề xuất hoặc có đề xuất bãi tập kết vật tư, thiết bị, xe máy thiết bị và xây dựng lán trại nhưng vị trí, quy mô không phù hợp với điều kiện thi công công trình | Không đạt |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|--|--------------------------------|
| 1.2 | Giải pháp kỹ thuật cho công tác chuẩn bị thi công | |
| 1.2.1 | Hiểu biết về quy mô gói thầu, dự án thực hiện | |
| | Có thuyết minh đầy đủ về quy mô gói thầu, dự án thực hiện (vị trí, hiện trạng, phạm vi công việc, mặt bằng thi công, thuận lợi và khó khăn) | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ về quy mô gói thầu, dự án thực hiện. | Không đạt |
| 1.2.2 | Xây dựng lán trại, tập kết nhân sự, máy móc, thiết bị, vật liệu | |
| | Thuyết minh đầy đủ biện pháp xây dựng lán trại, tập kết nhân sự, máy móc, thiết bị, vật liệu khả thi, phù hợp | Đạt |
| | Không thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không hợp lý, khả thi với gói thầu | Không đạt |
| 1.2.3 | Giải pháp phối hợp giữa chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị liên quan trong quá trình thi công để đảm bảo chất lượng, tiến độ dự án | |
| | Có đề xuất giải pháp, phương án phối hợp giữa chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị liên quan trong quá trình thi công để đảm bảo chất lượng, tiến độ dự án. Có thuyết minh phương án đền bù do ảnh hưởng trong quá thi công (nếu có) ... | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ, không hợp lý, khả thi với gói thầu | Không đạt |
| 1.3 | Tổ chức mặt bằng công trình | |
| 1.3.1 | Mặt bằng bố trí công trình, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, lán trại. | |
| | Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng các giải pháp bố trí mặt bằng công trình, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, lán trại và có đầy đủ sơ đồ vị trí tổ chức thi công (có bản vẽ hoặc hình ảnh minh họa) | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không rõ ràng hoặc không có sơ đồ vị trí tổ chức thi công kèm theo | Không đạt |
| 1.3.2 | Bố trí rào chắn, biển báo an toàn giao thông | |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|-------|--|--------------------------------|
| | Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng các giải pháp bố trí rào chắn, biển báo an toàn giao thông và có bản vẽ/hình ảnh minh họa | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, rõ ràng hoặc không có bản vẽ/hình ảnh minh họa | Không đạt |
| 1.3.3 | Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. | |
| | Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng các giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công phù hợp với mặt bằng hiện trạng thi công. | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không rõ ràng | Không đạt |
| 1.4 | Sơ đồ bộ máy chỉ đạo và thuyết minh hệ thống điều hành thi công và bố trí nhân lực tại công trường (Đối với nhà thầu liên danh mỗi nhà thầu phải có sơ đồ tổ chức phù hợp với nội dung công việc đảm nhận): | |
| | <p>Có sơ đồ và thuyết minh đầy đủ, chi tiết, đáp ứng với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, điều kiện thi công thực tế và hồ sơ thiết kế, thể hiện rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trách nhiệm, quyền hạn các vị trí chỉ huy trưởng, phụ trách kỹ thuật thi công, cán bộ phụ trách nghiệm thu, cán bộ phụ trách thanh toán, kế hoạch-vật tư, thí nghiệm chất lượng vật liệu, bộ phận hành chính... + Các tổ đội: cung cấp vật tư, thiết bị xe máy, các đội thi công trên công trường. + Mối liên hệ giữa trụ sở chính và việc quản lý ngoài hiện trường. + Mối liên hệ giữa nhà thầu với Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát | Đạt |
| | Không có sơ đồ hoặc có sơ đồ nhưng không thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, rõ ràng về hệ thống | Không đạt |
| 1.5 | Biện pháp tổ chức thi công | |
| 1.5.1 | Phương án huy động thiết bị, nhân sự thi công | |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|-------|--|--------------------------------|
| | Có sơ đồ/biểu đồ huy động thiết bị, nhân sự, thuyết minh phương án huy động thiết bị, nhân sự thi công khả thi, hợp lý, tổ chức thi công trên công trình phù hợp tính chất công việc của từng hạng mục. | Đạt |
| | Không có sơ đồ/biểu đồ, thuyết minh hoặc có nhưng phương án huy động thiết bị thi công không khả thi, không hợp lý, tổ chức thi công trên công trình không phù hợp tính chất công việc của từng hạng mục. | Không đạt |
| 1.5.2 | Giải pháp và biện pháp trắc đạc để định vị các kết cấu công trình. Thiết bị phục vụ đo đạc, nhân sự phục vụ công tác đo đạc và phương án đo đạc chi tiết. | |
| | Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng và khả thi về giải pháp trắc đạc để định vị các kết cấu công trình về thiết bị, nhân sự phục vụ đo đạc, phương án đo đạc chi tiết | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, rõ ràng hoặc không phù hợp | Không đạt |
| 1.5.3 | Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công tổng thể và chi tiết từng hạng mục, từng công tác theo đúng hồ sơ bản vẽ thiết kế đính kèm, đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. | |
| | Thuyết minh đầy đủ giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công chi tiết cho từng hạng mục, từng công tác theo đúng trình tự và phù hợp với hồ sơ bản vẽ thiết kế, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đảm bảo đúng tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với điều kiện thi công thực tế, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh biện pháp kỹ thuật thi công, tổ chức thi công nhưng không tuân thủ quy trình quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành hoặc không đủ công việc, hạng mục theo hồ sơ thiết kế, không phù hợp với điều kiện thi công thực tế | Không đạt |
| 1.5.4 | Giải pháp nghiệm thu, bàn giao công trình | |
| | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây | Đạt |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|---|---------------------------------------|
| | dụng; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT | |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT | Không đạt |
| 1.5.5 | Biện pháp bảo đảm cho các công trình lân cận | |
| | Có đề xuất biện pháp bảo đảm cho các công trình lân cận hợp lý, phù hợp với hiện trạng công trình. Có đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn giao thông khi ra vào công trường; có biện pháp thi công không ảnh hưởng đến các hoạt động của khu dân cư xung quanh. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc có đề xuất biện pháp bảo đảm cho các công trình lân cận nhưng không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình. Không có đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn giao thông khi ra vào công trường | Không đạt |
| 2 | Tiến độ thi công | |
| 2.1 | Thời gian thi công | |
| | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá yêu cầu về tiến độ quy định tại phần yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 2.2 | Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công | |
| | Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công phù hợp tính chất công việc của từng hạng mục. Có giải pháp khắc phục tiến độ khi gặp thời tiết xấu và sự cố bất thường hợp lý, khả thi; Có biện pháp tổ chức thi công trong mùa mưa | Đạt |
| | Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công không phù hợp tính chất công việc của từng hạng mục. Không có giải pháp khắc phục tiến độ hoặc có nhưng không hợp lý, khả thi, không phù hợp với gói thầu. | Không đạt |
| 2.3 | Lập biểu tiến độ thi công | |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|---|--------------------------------|
| | Có Biểu đồ tiến độ thi công tổng thể và biểu đồ tiến độ thi công chi tiết hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu tiến độ chi tiết quy định tại yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có biểu đồ tiến độ thi công chi tiết hoặc tổng thể hoặc có biểu đồ tiến độ thi công nhưng thiếu hạng mục công việc hoặc không đáp ứng yêu cầu tiến độ chi tiết quy định tại yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Không đạt |
| 2.4 | Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa huy động nhân công và tiến độ thi công c) Giữa bố trí vật tư chính và tiến độ thi công | |
| | Có thuyết minh đầy đủ, phù hợp với đề xuất kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công cho cả 3 nội dung a) ; b) và c). | Đạt |
| | Không có thuyết minh, hoặc có nhưng không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công một trong ba nội dung a), b) và c). | Không đạt |
| 3 | Cách thức quản lý dự án | |
| 3.1 | Tổ chức quản lý dự án và tổ chức quản lý hiện trường | |
| | Thuyết minh cách thức tổ chức quản lý dự án và tổ chức quản lý hiện trường của nhà thầu đối với gói thầu thực hiện bao gồm các công việc thực hiện cụ thể, vị trí nhân sự thực hiện phù hợp với biện pháp kỹ thuật, nhân sự, thiết bị, tiến độ thực hiện, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan đến gói thầu. | Đạt |
| | Nhà thầu không thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không phù hợp với biện pháp kỹ thuật, nhân sự, thiết bị, tiến độ thực hiện, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan đến gói thầu. | Không đạt |
| 3.2 | Biện pháp bảo đảm chất lượng | |
| 3.2.1 | Biện pháp bảo đảm chất lượng thi công của từng hạng mục công trình và toàn bộ công trình | |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|-------|---|--------------------------------|
| | Có thuyết minh rõ ràng, chi tiết Các biện pháp đảm bảo chất lượng thi công tất cả các hạng mục công việc và của toàn bộ công trình phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công đáp ứng chỉ dẫn kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có thuyết minh, hoặc thuyết minh không rõ ràng, không chi tiết hoặc không phù hợp, hoặc thiếu hạng mục công việc, hoặc không đáp ứng chỉ dẫn kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | Không đạt |
| 3.2.2 | Biện pháp kiểm soát an toàn vật liệu, thiết bị, công trình trong mùa mưa bão phù hợp với đặc điểm, địa hình, khí hậu, thủy văn tại khu vực thi công công trình. | |
| | Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, hợp lý và khả thi biện pháp kiểm soát an toàn vật liệu, thiết bị, công trình trong mùa mưa bão phù hợp với đặc điểm, địa hình, khí hậu, thủy văn tại khu vực thi công công trình | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ, rõ ràng hoặc không hợp lý, không khả thi | Không đạt |
| 3.2.4 | Sơ đồ quản lý chất lượng công trình | |
| | Có sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng công trình. Có thuyết minh cụ thể nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận liên quan đến quản lý chất lượng công trình. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 3.2.5 | Kế hoạch bố trí nhân sự để quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh kế hoạch bố trí nhân sự chủ chốt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và chứng minh khả năng sẵn sàng huy động nhân sự để thực hiện gói thầu. - Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản bố trí đủ số lượng nhân sự chủ chốt theo đề xuất làm việc tại Văn phòng làm việc hiện trường (để chủ đầu tư kiểm tra, phối hợp thực hiện trong suốt quá trình thực hiện của nhà thầu) và cam kết không thay đổi nhân sự đã đề xuất sau khi đã ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. Việc thay đổi nhân sự đảm bảo năng lực, kinh nghiệm của nhân sự thay thế bằng | Đạt |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|-------|--|--------------------------------|
| | hoặc tốt hơn nhân sự ban đầu và phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư bằng văn bản. Trong cam kết ghi rõ trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt đã đề xuất (trừ trường hợp bất khả kháng), nhà thầu chịu phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác và bị đăng tải vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. | |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.2.6 | Kế hoạch bố trí xe máy thiết bị để đảm bảo chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. | |
| | <p>- Thuyết minh kế hoạch bố trí xe máy thiết bị chủ yếu cho công việc trong mời thầu.</p> <p>- Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản bố trí đủ số lượng xe máy thiết bị chủ yếu theo đề xuất phù hợp với tiến độ thi công, biện pháp thi công để thi công tại hiện trường công trình (để chủ đầu tư kiểm tra) và cam kết không thay đổi xe máy, thiết bị đã đề xuất sau khi đã ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. Việc thay đổi xe máy thiết bị đảm bảo bằng hoặc tốt hơn và phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư bằng văn bản. Trong cam kết ghi rõ trường hợp không huy động được xe máy thiết bị đã đề xuất (trừ trường hợp bất khả kháng), nhà thầu chịu phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác và bị đăng tải vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.2.7 | Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư đầu vào để phục vụ công tác thi công và yêu cầu về kỹ thuật | |
| | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Không đạt |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|--|--------------------------------|
| 3.2.8 | Quy trình khắc phục, sửa chữa sự cố, hư hỏng trong quá trình thi công. | |
| | Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| 3.2.9 | Công tác quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình. | |
| | Thuyết minh công tác quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình, hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ hoàn công công trình... | Đạt |
| | Thuyết minh không đầy đủ hoặc không rõ ràng | Không đạt |
| 3.3 | Biện pháp đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động ... | |
| 3.1 | Vệ sinh môi trường | |
| 3.1.1 | Phương án quản lý, xử lý chất thải công trình | |
| | Có đề xuất về việc thu gom, lưu trữ chất thải và phương án xử lý chất thải trong quá trình thi công và sau khi hoàn thành công trình đảm bảo phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.1.2 | Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. - Có văn bản cam kết bồi thường các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh nếu bị hư hỏng trong quá trình thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT.- Không có văn bản cam kết bồi thường các công | Không đạt |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|--|--------------------------------|
| | trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh nếu bị hư hỏng trong quá trình thi công. | |
| 3.2 | Phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy nổ | |
| 3.2.1 | Biện pháp Phòng cháy, chữa cháy, phòng chống cháy nổ | |
| | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. | Không đạt |
| 3.2.2 | Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ. | |
| | Có sơ đồ và thuyết minh sơ đồ đầy đủ, hợp lý và khả thi. Nêu các quy định, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành phù hợp với gói thầu | Đạt |
| | Không nêu hoặc có nêu nhưng không hợp lý hoặc không tuân thủ các quy định, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành. | Không đạt |
| 3.3 | Bảo đảm An toàn lao động, vệ sinh lao động | |
| 3.3.1 | Biện pháp bảo đảm An toàn lao động | |
| | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của E-HSMT. Có cam kết tất cả các lao động làm việc trực tiếp tại công trường đều được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định pháp luật. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.3.2 | Thuyết minh Biện pháp nhận biết, đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và biện pháp xử lý khi xảy ra tai nạn lao động | |
| | Thuyết minh đầy đủ, hợp lý và tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành | Đạt |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|---|---------------------------------------|
| | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý hoặc không tuân thủ quy định hiện hành | Không đạt |
| 3.3.3 | Biện pháp kiểm soát VSLĐ trên công trường và khu dân cư xung quanh | |
| | Thuyết minh đầy đủ, hợp lý và tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý hoặc không tuân thủ quy định hiện hành | Không đạt |
| 3.3.4 | Thuyết minh, lập kế hoạch tổng hợp về ATLĐ theo quy định. | |
| | Thuyết minh đầy đủ, chi tiết và tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| 4 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | |
| 4.1 | Yêu cầu về bảo hành | |
| 4.1.1 | Thời gian bảo hành công trình xây dựng | |
| | - Có đề xuất thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật quy định tại chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | - Có đề xuất thời gian bảo hành không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật quy định tại chương V của E-HSMT | Không đạt |
| 4.1.2 | Quy trình - biện pháp bảo hành công trình xây dựng | |
| | Có đề xuất, thuyết minh quy trình bảo hành công trình và biện pháp bảo hành công trình khi có sự cố, hư hỏng xảy ra hợp lý, khả thi phù hợp với quy định. | Đạt |
| | Không có đề xuất, thuyết minh hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ, hợp lý, khả thi | Không đạt |
| 4.2 | Yêu cầu về bảo trì | |
| 4.2.1 | Quy trình, biện pháp bảo trì công trình | |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|---|--------------------------------|
| | Có đề xuất, thuyết minh quy trình, biện pháp bảo trì công trình hợp lý, khả thi | Đạt |
| | Không có đề xuất thuyết minh quy trình bảo trì công trình hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, khả thi | Không đạt |
| 4.2.2 | Thực hiện nghĩa vụ bảo trì công trình | |
| | Nhà thầu có đề xuất thực hiện công tác bảo trì, kiểm tra định kỳ tối thiểu 02 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành công trình, có thuyết minh đầy đủ, hợp lý và tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có đề xuất hoặc có đề xuất, thuyết minh nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý hoặc không tuân thủ quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 5 | Các yếu tố thân thiện môi trường: Sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác | |
| | Có cam kết sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác thân thiện với môi trường trong quá trình thực hiện gói thầu (nếu có) | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 6 | Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | |
| 6.1 | Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng trong thời gian 05 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu. (Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận). | |
| | Nhà thầu có bản cam kết không thuộc các trường hợp sau: - Tiến độ thực hiện hợp đồng: Bị trễ tiến độ do lỗi của Nhà thầu; - Chất lượng công trình: Không đảm bảo do lỗi nhà thầu gây ra; | Đạt |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|------------|--|--------------------------------|
| | - Vi phạm hợp đồng, có hợp đồng bỏ dở do lỗi của nhà thầu hoặc bị Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu; | |
| | Nhà thầu không có bản cam kết hoặc cam kết thiếu một trong các nội dung trên. | Không đạt |
| 6.2 | Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu trong thời gian 05 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu. (Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận) | |
| | Nhà thầu có bản cam kết không thuộc các trường hợp sau: - Nhà thầu khi tham dự thầu có hành vi làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu. - Nhà thầu khi tham dự thầu có hành vi cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. - Nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu vi phạm bị cấm thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đến thời điểm đóng thầu. - Nhà thầu vi phạm lỗi sau khi tham dự thầu không huy động được nhân sự chủ chốt hoặc thiết bị thi công chủ yếu (không tính trường hợp nhà thầu được cho phép thay thế theo quy định). | Đạt |
| | Nhà thầu không có bản cam kết hoặc cam kết thiếu một trong các nội dung trên. | Không đạt |
| 7 | Các yếu tố cần thiết khác | |
| 7.1 | Cam kết về tiến độ hoàn thành với chủ đầu tư; | |
| | Có cam kết về hoàn thành công trình đúng tiến độ hợp đồng theo yêu cầu của chủ đầu tư. | Đạt |
| | Không có cam kết hoặc không đề xuất phương án bồi thường. | Không đạt |
| 7.2 | Cam kết bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư nếu chậm trễ tiến độ hợp đồng do lỗi của nhà thầu, gồm: thực hiện chi trả các chi phí liên quan đến công tác tư vấn giám | |

| Stt | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng Đạt / Không đạt |
|-----------------|---|---------------------------------------|
| | sát, công tác quản lý dự án đối với gói thầu nhà thầu thực hiện. | |
| | Có văn bản cam kết và đề xuất phương án bồi thường hợp lý. | Đạt |
| | Không có văn bản cam kết hoặc không đề xuất phương án bồi thường hoặc đề xuất phương án bồi thường không hợp lý. | Không đạt |
| 7.3 | Yêu cầu về tính trung thực của các tài liệu cung cấp trong E-HSDT | |
| | Nhà thầu có bản cam kết các tài liệu do nhà thầu cung cấp trong E-HSDT là trung thực, không có các hành vi chỉnh sửa, làm giả, ghép dấu, chữ ký và các hành vi không trung thực khác. | Đạt |
| | Nhà thầu không có bản cam kết đáp ứng theo yêu cầu. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |